TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LÂM** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày: 07/11/2019
V/v: *Tranh chấp về giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thảnh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Lai**

2. Ông **Lê Quý Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Cam lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Bà **Trương Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp về giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2019/QĐXXST-DS ngày 24/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-DS ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1966

- Bà **Phan Thị Huy H**, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: thôn VT, xã CHN, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Ông **Đoàn Hồng Th**, sinh năm 1972

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: thôn TSĐ, xã CTB, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

* Bị đơn: - Ông **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1955

- Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: thôn S, xã CHN, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2018 bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Huy H trình bày:*

Năm 2012, bà chơi huê do bà Trương Thị T làm cái huê, vì thời gian chơi huê kéo dài và bà T làm cái huê bà không rõ cụ thể của dây huê đó như thế nào. Nhưng chốt lại tháng 2/2014, bà T chốt số tiền huê còn nợ bà là 60.000.000 đồng. Bà nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán tiền nợ huê nhưng bà T không chịu trả. Đến ngày 02/4/2014, vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T đã viết giấy xác nhận số nợ trên. Ngoài vợ chồng bà còn có vợ chồng ông Đoàn Hồng Th và bà Nguyễn Thị Kim T, tại "Giấy cầm cố đất canh tác" hai bên thỏa thuận như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T đồng ý cầm cố 04 sào đất canh tác tọa lạc tại khu Tây, tờ bản đồ số 7 trong thửa đất số 19 cho vợ chồng bà và vợ chồng ông Th bà T với số tiền: ông bà Th + T: 79.840.000 đồng, ông bà N + H: 60.000.000 đồng, trong thời gian 03 năm từ năm 2014 đến năm 2017.

Việc cầm cố đất này chỉ là làm tin để vợ chồng bà và vợ chồng ông Th bà T khất nợ cho vợ chồng ông H, bà T trong thời gian 03 năm, hết thời gian này thì họ phải trả lại cho vợ chồng bà và vợ chồng ông Th bà T số tiền còn nợ. Tháng 5/2017, ông H ngang nhiên lấy lại phần đất trên, đốt mía của vợ chồng bà và vợ chồng ông Th bà T mà không thanh toán số tiền còn nợ.

Ngày 3/10/2017, UBND xã Cam Hiệp Nam mời các bên lên tiến hành giải quyết. Tại buổi hòa giải này, ông Nguyễn Hồng H thừa nhận việc cầm cố đất cho vợ chồng bà và vợ chồng ông Th bà T là sự thật và đồng ý trả lại số tiền còn nợ là 139.840.000 đồng nhưng đề nghị trả trong thời gian 02 năm.

Bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất theo giấy cầm cố đất canh tác giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T lập ngày 02/4/2014, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T trả lại cho vợ chồng bà số tiền 60.000.000 đồng. Bà không yêu cầu về lãi suất.

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông đã chứng kiến trình bày của vợ ông là bà Phan Thị Huy H. Việc chơi huê giữa vợ ông và bà T ông có biết. Ông đồng ý với lời trình bày của bà H, ông yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất theo giấy cầm cố đất canh tác giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T lập ngày 02/4/2014, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T trả lại cho vợ chồng ông số tiền 60.000.000 đồng còn nợ. Ông không yêu cầu về lãi suất.

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Bà và chồng bà là ông Đoàn Hồng Th có chơi huê do vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T làm cái huê. Thời gian chơi huê bắt đầu vào năm 2012, tới năm 2014 khi kết thúc dây huê thì bà T không có tiền để thanh toán cho vợ chồng bà. Ngày 22/3/2014, bà Trương Thị T viết cho bà một giấy hẹn nợ, xác định nợ tiền huê của bà số tiền là 79.480.000 đồng.

Đến ngày 02/4/2014, vợ chồng ông H, bà T đã xác nhận nợ lại một lần nữa tại "Giấy cầm cố đất canh tác" cho hai gia đình bà và gia đình ông N, bà H đúng như lời

trình bày của bà H ở trên. Việc cầm cố đất này là để làm tin, trong thời gian 03 năm thì vợ chồng ông H, bà T phải thu xếp tiền để trả nợ, nhưng tháng 5/2017, ông H ngang nhiên lấy lại đất mà không thanh toán tiền nợ cho vợ chồng bà.

Ngày 03/10/2017, tại UBND xã Cam Hiệp Nam, ông H có thừa nhận số tiền nợ trên và xin trả trong thời gian 02 năm từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2019 nhưng bà không đồng ý.

Việc sai khác số tiền 79.480.000 đồng trong giấy hẹn nợ ngày 22/3/2014 và số tiền 79.840.000 đồng trong Giấy cầm cố đất canh tác ngày 02/4/2014 là do lỗi của bà T. Bà xin Tòa án căn cứ vào Giấy cầm cố đất canh tác ngày 02/4/2014 và biên bản hòa giải ngày 03/10/2017 tại UBND xã Cam Hiệp Nam để chốt lại số tiền ông H, bà T còn nợ vợ chồng bà là 79.840.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất theo giấy cầm cố đất canh tác giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T lập ngày 02/4/2014, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T trả cho vợ chồng bà số tiền còn nợ là 79.840.000 đồng. Thanh toán 01 lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu về lãi suất.

** Nguyên đơn ông Đoàn Hồng Th trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị Kim T. Ông yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất theo giấy cầm cố đất canh tác giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T lập ngày 02/4/2014, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ là 79.840.000 đồng. Thanh toán 01 lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông không yêu cầu về lãi suất.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Cam Hiệp Nam bị đơn ông Nguyễn Hồng H trình bày:

Việc ông có cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông N và vợ chồng bà T là đúng. Tuy nhiên thời hạn cầm cố đã hết nên ông có quyền lấy lại đất của ông để canh tác. Còn tiền là có nợ huê nên ông mới viết giấy cầm cố, mục đích là để giảm bớt một số tiền huê mà ông nợ. Ông thừa nhận còn nợ vợ chồng ông N và vợ chồng bà T số tiền 139.840 đồng, ông đồng ý trả số tiền nợ nói trên cho vợ chồng ông N và vợ chồng bà T. Tuy nhiên do hiện tại kinh tế gia đình vợ chồng ông gặp nhiều khó khăn, không thể trả ngay số tiền nợ nói trên được nên ông đề nghị trong vòng 02 năm sẽ bán thửa đất đó để trả.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm có quan điểm:

* Về tố tụng: Đây là tranh chấp dân sự về việc tranh chấp về giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Việc Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

* Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị Huy H và vợ chồng ông Đoàn Hồng Th, bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T trả lại tiền cầm cố đất, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T có nơi cư trú: thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cho nên được xác định đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật và mối quan hệ tranh chấp:

Về áp dụng pháp luật: Ngày 02/4/2014, vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị Huy H và vợ chồng ông Đoàn Hồng Th, bà Nguyễn Thị Kim T cùng với vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T xác lập giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất, thực hiện đến tháng 05/2017 thì phát sinh tranh chấp mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng pháp luật theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Về mối quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị Huy H và vợ chồng ông Đoàn Hồng Th, bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N, bà H và vợ chồng ông Th, bà T và vợ chồng ông H bà T lập ngày 02/4/2014, buộc vợ chồng ông H, bà T trả lại tiền cầm cố quyền sử dụng đất. Khi thụ lý vụ án Tòa án xác định mối quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự cầm cố Quyền sử dụng đất nay được xác định mối quan hệ tranh chấp là tranh chấp về giao dịch dân sự cầm cố Quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 116 của Bộ luật dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T biết và ấn định thời gian để ông H, bà T có ý kiến về việc vợ chồng ông N, bà H và vợ chồng ông Th, bà T khởi kiện đối với vợ chồng ông H, bà T nhưng vợ chồng ông H và bà T không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vợ chồng ông H, bà T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định

đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông H và bà T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T.

[4] Về nội dung vụ án: Xét về giao dịch dân sự cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị Huy H; vợ chồng ông Đoàn Hồng Th, bà Nguyễn Thị Kim T và vợ chồng ông Nguyễn Hồng H, bà Trương Thị T xác lập ngày 02 tháng 4 năm 2014. Khi đó, vợ chồng ông H, bà T có cầm cố cho vợ chồng ông N, bà H và vợ chồng ông Th, bà T diện tích đất 4.000 m^2, thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, với số tiền 139.840.000 đồng, trong thời hạn là 03 năm. Theo quy định của pháp luật đất đai thì không quy định cho người sử dụng đất có quyền cầm cố quyền sử dụng đất. Cụ thể tại Điều 106 của Luật đất đai năm 2003, sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 167, Điều 179 và Điều 188 của luật đất đai năm 2013 quy định: *"Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; quyền thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất"*. Nên vợ chồng ông N, bà H, vợ chồng ông Th, bà T và vợ chồng ông H, bà T giao dịch cầm cố Quyền sử dụng đất là vi phạm điều cấm của luật.

Ngoài ra, theo giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N, bà H, vợ chồng ông Th, bà T và vợ chồng ông H, bà T xác lập có thỏa thuận thời hạn là 03 năm, nhưng đến tháng 5/2017 vợ chồng ông H, bà T không trả tiền cho vợ chồng ông N, bà H và vợ chồng ông Th, bà T mà lấy đất lại không có sự đồng ý của vợ chồng ông N, bà H và vợ chồng ông Th, bà T là trái với chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội là trái đạo đức xã hội.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N, bà H, vợ chồng ông Th, bà T và vợ chồng ông H, bà T lập ngày 02 tháng 4 năm 2014 bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự. Khi giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông N, bà H và vợ chồng ông Th, bà T yêu cầu hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N, bà H, vợ chồng ông Th, bà T và vợ chồng ông H, bà T lập ngày 02/4/2014, buộc vợ chồng ông H, bà T trả cho vợ chồng ông N, bà H số tiền 60.000.000 đồng, trả cho vợ chồng ông Th, bà T số tiền 79.840.000 đồng , trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; theo biên bản hòa giải ngày 03/10/2017 ông H cũng đồng ý và hẹn trả số tiền trên cho vợ chồng ông N, bà H, vợ chồng ông Th, bà T thời hạn là 02 năm sau khi bán được đất.

Như vậy, vợ chồng ông N, bà H, vợ chồng ông Th, bà T và vợ chồng ông H, bà T thống nhất số tiền trả cho nhau, nhưng không thống nhất với nhau về thời gian và phương thức trả số tiền nói trên, nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự, mà giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N, bà H, vợ chồng ông Th, bà T và vợ chồng

ông H, bà T lập ngày 02/4/2014 là vô hiệu, buộc vợ chồng ông H, bà T trả cho cho vợ chồng ông N, bà H số tiền 60.000.000 đồng, trả cho vợ chồng ông Th, bà T số tiền 79.840.000 đồng theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự.

Đối với diện tích đất 4.000 m^2, thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, vào ngày 02/4/2014 vợ chồng ông H, bà T cầm cố giao cho vợ chồng ông N, bà H, vợ chồng ông Th, bà T sử dụng, đến tháng 05/2017, vợ chồng ông H, bà T lấy lại, nay vợ chồng ông H, bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 264, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 106 của Luật đất đai năm 2003 sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 167, Điều 179 và Điều 188 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào Điều 116, Điều 123, Điều 131, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị Huy H; vợ chồng ông Đoàn Hồng Th, bà Nguyễn Thị Kim T với vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T lập ngày 02/4/2014 (Giấy cầm cố đất canh tác ngày 02/4/2014) là vô hiệu.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị Huy H số tiền 60.000.000 đồng, trả cho vợ chồng Đoàn Hồng Th, bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 79.840.000 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Hoàn lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N,

bà Phan Thị Huy H; vợ chồng ông Đoàn Hồng Th, bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2016/0004401 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Thảnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Lai – Lê Quý Hùng	**Nguyễn Công Thảnh**